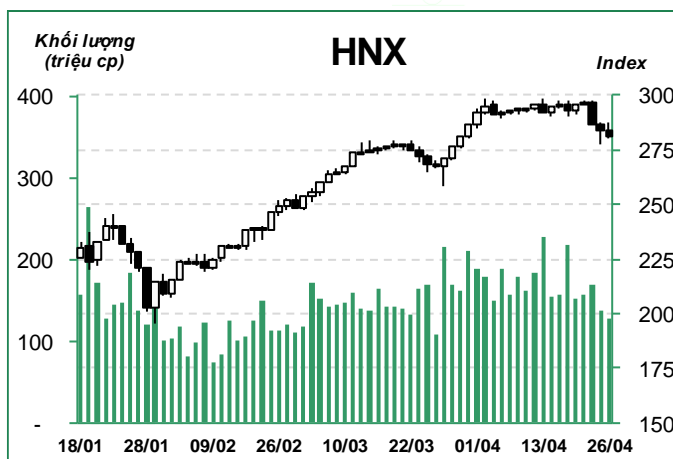
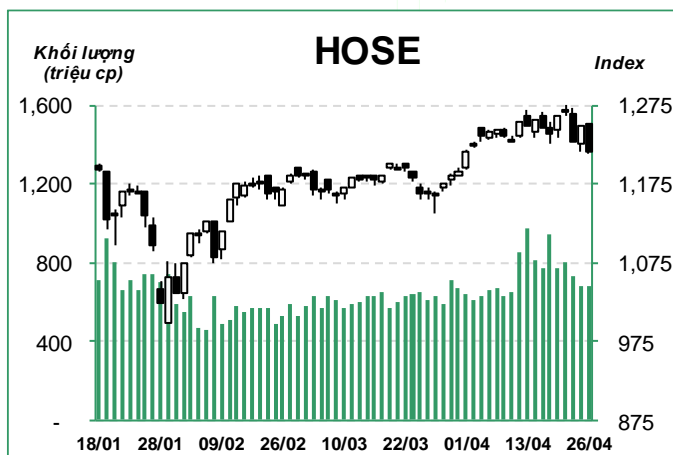


Tổng quan thị trường

| 26/04/2021 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|------------------|-----------------|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 1,215.77 | -2.62% | 1,275.04 | -2.02% | 280.68 | -1.04% |
| Cuối tuần trước | 1,248.53 | -2.62% | 1,301.39 | -2.02% | 283.63 | -1.04% |
| Trung bình 20 ngày | 1,240.53 | -2.00% | 1,262.82 | 0.97% | 292.11 | -3.91% |
| Tổng KLGĐ (triệu cp) | 744.94 | 3.97% | 235.96 | -8.30% | 141.80 | 2.13% |
| KLGĐ khớp lệnh | 685.39 | 0.17% | 216.95 | -11.68% | 127.90 | -7.01% |
| Trung bình 20 ngày | 737.99 | -7.13% | 219.35 | -1.10% | 169.63 | -24.60% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 19,295.66 | -3.95% | 11,310.93 | -9.11% | 2,633.16 | 10.25% |
| GTGD khớp lệnh | 16,862.16 | -6.12% | 9,990.82 | -8.84% | 2,306.46 | -2.29% |
| Trung bình 20 ngày | 17,193.53 | -1.93% | 9,154.41 | 9.14% | 2,968.47 | -22.30% |
| | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng |
| Số mã tăng | 91 | 20% | 4 | 13% | 60 | 16% |
| Số mã giảm | 340 | 74% | 26 | 87% | 169 | 46% |
| Số mã đứng giá | 27 | 6% | 0 | 0% | 137 | 37% |



Thị trường lao dốc trở lại trong phiên giao dịch đầu tuần với áp lực bán được nới rộng hơn về cuối phiên cho thấy tín hiệu khá tiêu cực. Tâm lý hoảng loạn lan tỏa toàn thị trường khi không chỉ nhóm Bluechips giảm mạnh mà nhóm penny cũng ghi nhận mức xanh sàn ở nhiều mã. Tuy nhiên, với việc thanh khoản đang giảm dần cùng với khối ngoại có động thái mua ròng trở lại, thị trường vẫn có cơ hội để có thể phục hồi trở lại trong những phiên sắp tới.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa giảm sâu xuống mức 1,215.77 điểm (-2.62%). Phiên giảm hôm nay cũng phát đi tín hiệu khá tiêu cực khi phủ nhận hoàn toàn mức tăng của phiên hồi phục ngày thứ 6 tuần trước. KLGĐ khớp lệnh đạt 685.4 triệu cổ phiếu (+0.2%), tương đương 16,862 tỷ đồng giá trị (-6.1%). Độ rộng thị trường cho thấy sự áp đảo của bên bán với 340 mã giảm so với chỉ 91 mã tăng.

Tương chừng như hôm nay sẽ là một ngày giao dịch hưng phấn của VN-Index khi lệnh mua trần được đẩy lên ngay từ phiên ATO được dự đoán là do quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF giải ngân mua mới. Tuy nhiên, lực cầu này nhanh chóng bị hấp thụ hết bởi lượng cung dồi dào trên thị trường. Hàng loạt các cổ phiếu Bluechips rơi vào tình trạng giảm sâu với Vingroup-VIC (-4.9%), Vietcombank-VCB (-5.2%), Vinhomes-VHM (-5.1%), PV Gas-GAS (-5.2%) là những cổ phiếu gây sức ép lớn nhất đến chỉ số chung. Trong khi đó, dòng tiền đầu cơ cũng tháo chạy khi nhiều cổ phiếu penny như FLC FAROS-ROS (-6.9%), KCN Tân Tạo-ITA (-6.9%), FLC AMD-AMD (-6.9%), Địa ốc Hoàng Quân-HQC (-6.8%) đóng cửa với tình trạng trắng bên mua. Ở chiều ngược lại, điểm sáng đến từ bộ đôi cổ phiếu ngành BĐS là Novaland-NVL (+6.9%), BĐS Phát Đạt-PDR (+5.6%) nhờ lực cầu từ nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, một vài cổ phiếu trong nhóm ngân hàng như

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| FUEVFNVD | 17,758.0 | 376.24 |
| TCB | 9,050.0 | 365.90 |
| MWG | 2,265.0 | 355.74 |
| MSN | 1,460.0 | 146.00 |
| NVL | 1,300.0 | 139.10 |
| VNM | 1,231.7 | 119.18 |
| VCG | 1,888.0 | 90.62 |
| VIB | 1,200.0 | 60.00 |
| GMD | 1,696.0 | 56.77 |
| FPT | 565.0 | 50.17 |
| HNX | | |
| SHB | 9,250.1 | 249.75 |
| NVB | 2,823.4 | 43.56 |
| VC3 | 1,074.9 | 23.65 |
| PPE | 573.1 | 6.93 |
| PVS | 40.0 | 0.83 |
| SED | 37.0 | 0.71 |
| ECI | 46.4 | 0.71 |
| X20 | 54.7 | 0.55 |

VPBank-VPB (+3.9%), SeABank-SSB (+2.7%), Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-LPB (+3.0%) cũng có tín hiệu tăng tốt.

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp trên sàn HoSE với giá trị 79.8 tỷ đồng (-76.4%). Lực mua chủ yếu đến từ giao dịch thỏa thuận của chứng chỉ quỹ Quý-FUEVFNVD (+356.6 tỷ). Ngoài ra, bộ đôi cổ phiếu BĐS là Novaland-NVL (+97.6 tỷ), BĐS Phát Đạt-PDR (+53.8 tỷ) cũng hút vốn ngoại khá tốt. Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là VPBank-VPB (-270.1 tỷ), Vincom Retail-VRE (-62.1 tỷ), Vietinbank-CTG (-58.9 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng không khả quan hơn khi có 3 phiên giảm điểm liên tiếp và chốt phiên tại mức 280.68 điểm (-1.04%). KLGD khớp lệnh đạt 127.9 triệu cổ phiếu (-7.0%), tương đương 2,306.5 tỷ đồng giá trị (-2.3%).

Ngoài trừ Thaiholdings-THD (+0.4%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.4%) là những cổ phiếu hiếm hoi đóng cửa tăng điểm, các trụ cột khác trên sàn HNX đa phần vẫn đang ngụp lặn sâu dưới mức tham chiếu. Trong đó, tác nhân chính đến từ nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán với Chứng khoán VNDIRECT-VND (-4.1%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội - SHS (-4.6%), Chứng khoán MB-MBS (-5.7%) hay nhóm dầu khí với các cổ phiếu như Dầu khí PTSC-PVS (-8.5%), Hóa dầu Petrolimex-PLC (-2.8%) hay Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-6.9%).

Khối ngoại có động thái tương tự khi cũng mua ròng trên sàn HNX hôm nay với giá trị 33.3 tỷ đồng (+511.8%). Trong đó, phần lớn lượng mua ròng này hướng đến Thaiholdings-THD (+34.3 tỷ), bên cạnh một vài cổ phiếu khác như Thống Nhất-BAX (+0.7 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+0.4 tỷ). Trái lại, Chứng khoán VNDIRECT-VND (-2.7 tỷ), Sông Đà 4-SD4 (-0.7 tỷ), Khách sạn Đại Dương-OCH (-0.5 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng chủ yếu.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang khá thận trọng. Không những vậy, xu hướng giảm ngắn hạn đang quay trở lại, khi chỉ số phá vỡ hỗ trợ MA20, cùng với RSI nằm dưới vùng 50, cho thấy áp lực giảm đang gia tăng. Thêm vào đó, MACD hướng xuống dưới Signal duy trì tín hiệu bán, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục chịu sức ép giảm điểm về thử thách lại vùng đỉnh 1,200 điểm hoặc xa hơn là vùng 1,150 điểm (đáy cũ tháng 3/2021). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ ba liên tiếp và nằm dưới MA20, cùng với MA5 cắt MA20 hàm ý xác nhận xu hướng giảm ngắn hạn. Trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên vùng đỉnh cũ quanh 279-280 điểm thì sẽ suy giảm về lại vùng 270 điểm (MA50). Nhìn chung, thị trường đang quay lại xu hướng giảm ngắn hạn và chịu sức ép suy giảm về các vùng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên hồi kỹ thuật để đưa danh mục về mức thấp nhằm tránh rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| DLG | 3.2 | 24,953.7 | 7.0% |
| YEG | 26.8 | 423.0 | 7.0% |
| CIG | 8.8 | 66.9 | 6.9% |
| NVL | 114.4 | 3,859.0 | 6.9% |
| CLW | 32.6 | 5.4 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| TIP | 43.4 | 70.0 | -7.0% |
| PMG | 22.7 | 3.5 | -7.0% |
| LCM | 2.4 | 165.7 | -6.9% |
| HCD | 5.0 | 1,002.6 | -6.9% |
| HVX | 5.0 | 27.0 | -6.9% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG | 55.1 | 1,440.0 | -2.3% |
| STB | 22.6 | 962.1 | 0.4% |
| VPB | 53.0 | 961.1 | 3.9% |
| VHM | 99.6 | 921.5 | -5.1% |
| TCB | 39.5 | 850.9 | -2.6% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| FLC | 11.7 | 53,070.2 | -5.6% |
| STB | 22.6 | 42,197.5 | 0.4% |
| ROS | 7.2 | 38,882.0 | -6.9% |
| HPG | 55.1 | 25,926.4 | -2.3% |
| DLG | 3.2 | 24,953.7 | 7.0% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| QHD | 38.5 | 1.5 | 10.0% |
| BST | 16.5 | 0.1 | 10.0% |
| BDB | 12.3 | 11.2 | 9.8% |
| MEL | 14.6 | 22.3 | 9.8% |
| HHC | 88.8 | 0.5 | 9.8% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PV2 | 3.6 | 556.1 | -10.0% |
| MHL | 4.5 | 3.9 | -10.0% |
| SDN | 36.0 | 0.1 | -10.0% |
| DAE | 21.7 | 10.4 | -10.0% |
| ART | 9.1 | 7,072.3 | -9.9% |

Top 5 giá trị

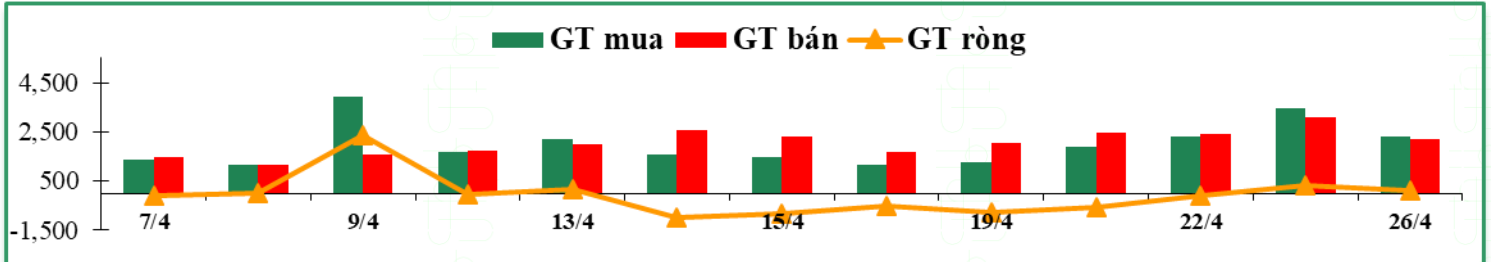
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 27.1 | 820.9 | 0.4% |
| PVS | 19.4 | 232.1 | -8.5% |
| THD | 186.5 | 208.9 | 0.4% |
| VND | 34.8 | 160.9 | -4.1% |
| SHS | 27.0 | 158.0 | -4.6% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHB | 27.1 | 30,281.7 | 0.4% |
| KLF | 6.1 | 13,375.4 | -9.0% |
| PVS | 19.4 | 11,462.9 | -8.5% |
| NVB | 17.1 | 7,993.9 | 0.0% |
| ART | 9.1 | 7,072.3 | -9.9% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|----------------|--------------|----------------|--------------|--------------|
| HOSE | 2,281.4 | 11.8% | 2,201.7 | 11.4% | 79.8 |
| HNX | 43.3 | 1.6% | 9.9 | 0.4% | 33.3 |
| Tổng số | 2,324.7 | | 2,211.6 | | 113.1 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|----------|---------------------|-------------------|--------------|
| FUEVFVND | 21.1 | 395.9 | -0.6% |
| MWG | 142.5 | 327.0 | -3.4% |
| VNM | 96.0 | 254.9 | -3.5% |
| VHM | 99.6 | 137.4 | -5.1% |
| NVL | 114.4 | 125.7 | 6.9% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| MWG | 142.5 | 327.0 | -3.4% |
| VNM | 96.0 | 295.1 | -3.5% |
| VPB | 53.0 | 283.1 | 3.9% |
| VRE | 31.2 | 145.6 | -5.0% |
| VIC | 131.5 | 115.2 | -4.9% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|----------|---------------------|-------------------|--------------|
| FUEVFVND | 21.1 | 356.6 | -0.6% |
| NVL | 114.4 | 97.6 | 6.9% |
| PDR | 74.2 | 53.8 | 5.6% |
| VHM | 99.6 | 46.8 | -5.1% |
| MBB | 29.6 | 32.9 | -2.3% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| THD | 186.5 | 34.3 | 0.4% |
| VND | 34.8 | 1.9 | -4.1% |
| BAX | 76.0 | 0.7 | -2.3% |
| IDJ | 15.2 | 0.6 | -9.0% |
| SHB | 27.1 | 0.4 | 0.4% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VND | 34.8 | 4.5 | -4.1% |
| SD4 | 5.4 | 0.7 | -8.5% |
| IDJ | 15.2 | 0.6 | -9.0% |
| OCH | 10.4 | 0.5 | 0.0% |
| BVS | 20.3 | 0.4 | -5.1% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| THD | 186.5 | 34.3 | 0.4% |
| BAX | 76.0 | 0.7 | -2.3% |
| SHS | 27.0 | 0.4 | -4.6% |
| LHC | 80.0 | 0.3 | 0.0% |
| SHB | 27.1 | 0.3 | 0.4% |

Tin trong nước

Quy mô Fubon FTSE Vietnam ETF tăng lên 270 triệu USD sau 1 tháng tiến hành IPO

Thông tin từ Fubon FTSE Vietnam ETF cho biết, tại ngày 23/4/2021, quy mô danh mục quỹ hiện đã lên tới 7,5 tỷ Đài Tệ (khoảng 270 triệu USD, tương đương 6.200 tỷ đồng).

Sau khi IPO vào thời điểm cuối tháng 3, quy mô danh mục Fubon FTSE Vietnam ETF vào khoảng 5,28 tỷ Đài Tệ (khoảng 190 triệu USD, tương đương gần 4.400 tỷ đồng). Như vậy, trong chưa đầy 1 tháng qua, quy mô danh mục Fubon FTSE Vietnam ETF đã tăng thêm khoảng 80 triệu USD (khoảng hơn 1.800 tỷ đồng).

Tại thời điểm cuối tháng 3, VIC là cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn nhất danh mục với 11,11%, xếp tiếp theo lần lượt là HPG (10,06%), VHM (9,72%), VNM (9,61%), MSN (9,29%), VRE (6,95%)... Chỉ số FTSE Vietnam 30 Index sẽ tiến hành cơ cấu danh mục 2 lần trong năm, vào tháng 3 và tháng 9, tương ứng là 2 lần cơ cấu danh mục của quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF.

Việt Nam vượt Pháp, Đức, xếp thứ 8 về đầu tư năng lượng tái tạo

Tại buổi triển lãm năng lượng tái tạo do Đại sứ quán Đức kết hợp cùng GIZ (Tổ chức hợp tác quốc tế Đức) vừa diễn ra, ông Weert Börner, Phó Đại sứ, Trưởng phòng kinh tế Đại sứ quán Đức tại Việt Nam khẳng định, với mức đầu tư 7,4 tỷ USD vào điện gió, điện mặt trời, Việt Nam có tiềm năng thành nhà sản xuất năng lượng tái tạo lớn của thế giới.

Tại đây, ông Guido Hildner, Đại sứ Cộng hòa Liên bang Đức tại Việt Nam nhấn mạnh, Việt Nam đang có nhiều tiềm năng để trở thành cường quốc năng lượng tái tạo với điện mặt trời, điện gió và điện sinh khối, trong bối cảnh thế giới đứng trước giai đoạn chuyển dịch năng lượng bởi những thách thức của biến đổi khí hậu.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Bà Mai Kiều Liên: Không doanh nghiệp nào muốn tăng trưởng thấp, cố gắng hết sức hoàn thành kế hoạch 2021

Sáng ngày 26/4, Vinamilk (HoSE: VNM) tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. Tại đại hội, HĐQT trình kế hoạch năm 2021 với doanh thu 62.160 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 11.240 tỷ đồng, lần lượt tăng 4% và đi ngang so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 11.120 tỷ đồng.

Với Vinamilk, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi giá nguyên vật liệu, giá nguyên vật liệu thế giới tăng cao chưa từng có. Mặt khác, sức mua vẫn còn thấp. Nền kinh tế bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong năm 2020 và đã phần nào hồi phục vào quý đầu năm.

Theo đó, cổ tức dự kiến cho năm 2021 tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế hợp nhất. HĐQT đề xuất tạm ứng đợt 1 là 1.500 đồng/cp, chi trả trong tháng 9/2021 và đợt 2 là 1.400 đồng/cp, chi trả tháng 2/2022.

Năm 2020, Vinamilk lãi 11.236 tỷ đồng, tăng 6% so với năm trước. Với kết quả này, HĐQT trình kế hoạch trả cổ tức 71% lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ, tăng so với mức kế hoạch là 50%; tương ứng mức chia 4.100 đồng/cp. Theo đó, công ty đã 2 lần chi trả cổ tức trong năm 2020 và 2021 với mức 3.000 đồng/cp. Dự kiến, công ty sẽ trả đợt 3 là 1.100 đồng/cp vào ngày 30/6/2021. Ngày chốt danh sách cổ đông 8/6.

ĐHĐCĐ Petrolimex: Quý 1/2021 ước lãi trước thuế 900 tỷ đồng, năm nay sẽ hoàn thành thoái vốn PGBank

Sáng nay Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Kế hoạch 2021 đạt doanh thu 135.200 tỷ đồng, và 3.360 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 9% và 238% so với thực hiện 2020.

Năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 ngành kinh doanh xăng dầu toàn thế giới gặp khó khăn, thua lỗ, nhiều mỏ dầu, nhà máy lọc dầu đóng cửa. Sự cạnh tranh trên thị trường kinh doanh xăng dầu trong nước ngày càng quyết liệt, đặc biệt là kênh bán hàng qua trung gian.

Mặc dù vậy, sản lượng xăng dầu xuất bán của Petrolimex năm 2020 đạt 12,39 triệu m³, tấn, vượt 8% kế hoạch năm. Doanh thu đạt 123.919 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế đạt 1.414 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 90% kế hoạch năm. Tỷ lệ cổ tức 12% tiền mặt.

Hòa Phát sắp phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, thay CEO

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông báo quyết định HĐQT triển khai chi tiết phương án trả cổ tức năm 2020. Doanh nghiệp sẽ phát hành gần 1,16 tỷ cổ phiếu mới để trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 35%. Vốn điều lệ Hòa Phát dự kiến tăng lên 44.726 tỷ đồng.

Đồng thời, doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 5%, tổng giá trị tiền mặt dự kiến Hòa Phát chi ra là 1.657 tỷ đồng.

Nguồn: NDH, Cafef

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|----------------------------|
| 1 | VCB | Bán | 27/04/21 | 98.6 | 98.7 | -0.1% | 107 | 8.4% | 94.1 | -4.7% | Tín hiệu suy yếu |
| 2 | VNM | Bán | 27/04/21 | 96 | 99.3 | -3.3% | 110 | 10.8% | 95 | -4.3% | Áp lực điều chỉnh tăng cao |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|----------|---|
| 1 | VOC | Quan sát mua | 27/04/21 | 24.7 | 30 | Phiên tăng tốt kèm vol tăng nhẹ trở lại gần đây khi đang trong vùng sideway -> có cơ hội có thể break nếu thị trường hồi phục trở lại |
| 2 | DRI | Quan sát mua | 27/04/21 | 10 | 13 | Vẫn giữ được tín hiệu break dù chịu áp lực bán t+ và tăng tốt trong lúc thị trường giảm mạnh -> khả năng bắt đầu nhịp mới nếu thị trường hồi phục trở lại |
| 3 | CSV | Quan sát mua | 27/04/21 | 27.05 | 29-30 | Nhịp điều chỉnh về lại hỗ trợ mạnh 26.5-27.5 với vol cạn dần nhưng đà giảm còn mạnh -> khả năng có thể có nhịp hồi t+ trước khi giảm trở lại test đáy |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | FPT | Mua | 20/04/21 | 81 | 81.5 | -0.6% | 95 | 16.6% | 78.8 | -3% | |
| 2 | NLG | Mua | 26/04/21 | 35 | 34.95 | 0.1% | 40 | 14.4% | 33.4 | -4% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền | Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 26/04/2021 | | | | | | | | | Thông tin chứng quyền | | | | |
|----------------|--|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|-------|---------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá phát hành (VND) | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) | Chênh lệch so với giá đóng cửa | CTCKP H | CKC S | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
| CFPT2012 | 1,500 | 5,980 | -6.1% | 299% | 13,780 | 8 | 83,000 | 6,405 | 425 | HCM | FPT | 51,000 | 5.0 | 04/05/2021 |
| CFPT2016 | 2,580 | 7,350 | -2.0% | 185% | 15,240 | 57 | 83,000 | 6,633 | (717) | SSI | FPT | 50,000 | 5.0 | 22/06/2021 |
| CFPT2101 | 1,500 | 4,150 | -3.3% | 177% | 18,260 | 70 | 83,000 | 1,471 | (2,679) | MBS | FPT | 74,500 | 6.0 | 05/07/2021 |
| CHDB2008 | 2,702 | 1,870 | -13.0% | -31% | 49,940 | 8 | 26,900 | 320 | (1,550) | KIS | HDB | 25,888 | 3.2 | 04/05/2021 |
| CHDB2101 | 1,000 | 2,150 | -2.3% | 115% | 17,910 | 149 | 26,900 | 104 | (2,046) | KIS | HDB | 29,888 | 5.0 | 22/09/2021 |
| CHPG2018 | 1,200 | 6,310 | -7.9% | 426% | 76,870 | 18 | 56,400 | 6,608 | 298 | KIS | HPG | 29,999 | 4.0 | 14/05/2021 |
| CHPG2020 | 5,700 | 33,000 | 0.0% | 479% | 1,010 | 65 | 56,400 | 30,499 | (2,501) | VND | HPG | 26,000 | 1.0 | 30/06/2021 |
| CHPG2022 | 2,100 | 14,200 | -2.7% | 576% | 6,860 | 8 | 56,400 | 14,706 | 506 | HCM | HPG | 27,000 | 2.0 | 04/05/2021 |
| CHPG2026 | 3,350 | 9,400 | -4.1% | 181% | 39,570 | 14 | 56,400 | 9,965 | 565 | MBS | HPG | 36,500 | 2.0 | 10/05/2021 |
| CHPG2101 | 1,050 | 5,310 | -1.3% | 406% | 14,410 | 149 | 56,400 | 2,540 | (2,770) | KIS | HPG | 46,888 | 4.0 | 22/09/2021 |
| CHPG2102 | 6,600 | 18,100 | -3.7% | 174% | 30,880 | 70 | 56,400 | 15,568 | (2,532) | ACBS | HPG | 41,000 | 1.0 | 05/07/2021 |
| CHPG2103 | 3,900 | 9,100 | -3.2% | 133% | 18,490 | 71 | 56,400 | 7,288 | (1,812) | VND | HPG | 42,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CHPG2104 | 1,500 | 5,890 | -1.0% | 293% | 24,410 | 70 | 56,400 | 3,928 | (1,962) | MBS | HPG | 44,800 | 3.0 | 05/07/2021 |
| CHPG2105 | 3,000 | 10,300 | -2.8% | 243% | 32,730 | 105 | 56,400 | 7,330 | (2,970) | HCM | HPG | 42,000 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CKDH2001 | 1,400 | 2,240 | -4.3% | 60% | 61,990 | 18 | 35,300 | 2,276 | 36 | KIS | KDH | 26,222 | 4.0 | 14/05/2021 |
| CKDH2002 | 1,600 | 2,810 | -9.4% | 76% | 17,530 | 112 | 35,300 | 2,037 | (773) | KIS | KDH | 27,333 | 4.0 | 16/08/2021 |
| CKDH2101 | 1,000 | 2,400 | -7.7% | 140% | 22,050 | 149 | 35,300 | 552 | (1,848) | KIS | KDH | 33,333 | 5.0 | 22/09/2021 |
| CMBB2010 | 4,600 | 14,070 | -4.3% | 206% | 31,630 | 49 | 30,300 | 14,346 | 276 | SSI | MBB | 16,000 | 1.0 | 14/06/2021 |
| CMBB2101 | 1,600 | 4,280 | -0.7% | 168% | 38,670 | 71 | 30,300 | 2,205 | (2,075) | VND | MBB | 26,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CMSN2009 | 1,200 | 3,890 | -15.3% | 224% | 14,930 | 18 | 100,000 | 3,845 | (45) | KIS | MSN | 61,999 | 9.9 | 14/05/2021 |
| CMSN2101 | 1,050 | 2,880 | -0.7% | 174% | 19,780 | 149 | 100,000 | 283 | (2,597) | KIS | MSN | 99,999 | 20.0 | 22/09/2021 |
| CMSN2102 | 1,000 | 2,890 | 0.0% | 189% | 12,820 | 149 | 100,000 | 92 | (2,798) | KIS | MSN | 111,111 | 20.0 | 22/09/2021 |
| CMWG2013 | 12,000 | 26,500 | -1.7% | 121% | 2,970 | 65 | 147,500 | 25,933 | (567) | VND | MWG | 96,000 | 2.0 | 30/06/2021 |
| CMWG2015 | 1,900 | 4,010 | -16.5% | 111% | 55,820 | 14 | 147,500 | 4,758 | 748 | HCM | MWG | 100,000 | 10.0 | 10/05/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|-------|--------|--------|------|---------|------|---------|--------|---------|------|-----|---------|------|------------|
| CMWG2016 | 1,700 | 3,800 | -9.5% | 124% | 26,470 | 45 | 147,500 | 3,979 | 179 | HCM | MWG | 108,000 | 10.0 | 10/06/2021 |
| CMWG2101 | 2,400 | 3,830 | -5.4% | 60% | 12,450 | 71 | 147,500 | 3,099 | (731) | VND | MWG | 117,000 | 10.0 | 06/07/2021 |
| CMWG2102 | 3,000 | 6,630 | -5.2% | 121% | 5,410 | 98 | 147,500 | 5,645 | (985) | VCI | MWG | 120,000 | 5.0 | 02/08/2021 |
| CMWG2103 | 1,900 | 3,300 | -8.8% | 74% | 18,020 | 70 | 147,500 | 1,957 | (1,343) | MBS | MWG | 128,500 | 10.0 | 05/07/2021 |
| CMWG2104 | 2,400 | 5,050 | -2.9% | 110% | 14,510 | (35) | 147,500 | (0) | (5,050) | ACBS | MWG | 135,000 | 10.0 | 22/03/2021 |
| CNVL2003 | 1,000 | 5,090 | 14.6% | 409% | 127,260 | 46 | 107,000 | 4,363 | (727) | KIS | NVL | 63,979 | 9.9 | 11/06/2021 |
| CNVL2101 | 1,000 | 2,960 | 3.5% | 196% | 52,670 | 149 | 107,000 | 1,879 | (1,081) | KIS | NVL | 77,999 | 15.8 | 22/09/2021 |
| CPNJ2101 | 1,700 | 2,050 | -6.8% | 21% | 21,720 | 71 | 96,000 | 1,851 | (199) | VND | PNJ | 78,000 | 9.9 | 06/07/2021 |
| CPNJ2102 | 2,000 | 3,900 | -4.9% | 95% | 9,440 | 98 | 96,000 | 3,300 | (600) | VCI | PNJ | 80,000 | 5.0 | 02/08/2021 |
| CPNJ2103 | 2,900 | 3,690 | -1.6% | 27% | 13,690 | 53 | 96,000 | 3,489 | (201) | MBS | PNJ | 78,800 | 5.0 | 18/06/2021 |
| CREE2006 | 1,500 | 2,280 | -9.5% | 52% | 7,560 | 14 | 52,300 | (0) | (2,280) | HCM | REE | 66,002 | 4.0 | 10/05/2021 |
| CREE2101 | 2,300 | 2,800 | 0.0% | 22% | 32,780 | 71 | 52,300 | 1,136 | (1,664) | VND | REE | 48,000 | 4.0 | 06/07/2021 |
| CSBT2101 | 1,100 | 2,300 | 7.5% | 109% | 31,690 | 149 | 20,400 | 26 | (2,274) | KIS | SBT | 24,666 | 5.0 | 22/09/2021 |
| CSTB2007 | 1,500 | 5,800 | -4.9% | 287% | 37,060 | 31 | 22,450 | 5,736 | (64) | KIS | STB | 10,999 | 2.0 | 27/05/2021 |
| CSTB2010 | 1,100 | 5,600 | -1.2% | 409% | 28,760 | 46 | 22,450 | 5,242 | (358) | KIS | STB | 11,999 | 2.0 | 11/06/2021 |
| CSTB2014 | 3,800 | 10,880 | -1.1% | 186% | 45,910 | 49 | 22,450 | 10,485 | (395) | SSI | STB | 12,000 | 1.0 | 14/06/2021 |
| CSTB2016 | 1,200 | 4,190 | -0.2% | 249% | 15,590 | 8 | 22,450 | 4,158 | (32) | KIS | STB | 14,141 | 2.0 | 04/05/2021 |
| CSTB2101 | 1,000 | 4,480 | 17.3% | 348% | 23,930 | 149 | 22,450 | 804 | (3,676) | KIS | STB | 21,999 | 2.0 | 22/09/2021 |
| CSTB2102 | 2,000 | 7,150 | -0.4% | 258% | 11,220 | 39 | 22,450 | 4,491 | (2,659) | MBS | STB | 18,000 | 1.0 | 04/06/2021 |
| CSTB2103 | 1,400 | 4,780 | 11.2% | 241% | 85,730 | 105 | 22,450 | 2,285 | (2,495) | HCM | STB | 18,000 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CTCB2012 | 5,400 | 18,720 | -3.5% | 247% | 9,640 | 95 | 40,500 | 18,623 | (97) | SSI | TCB | 22,000 | 1.0 | 30/07/2021 |
| CTCB2013 | 4,700 | 16,660 | -4.1% | 254% | 4,610 | 8 | 40,500 | 17,511 | 851 | SSI | TCB | 23,000 | 1.0 | 04/05/2021 |
| CTCB2101 | 5,000 | 13,180 | -5.1% | 164% | 18,540 | 162 | 40,500 | 9,842 | (3,338) | ACBS | TCB | 31,000 | 1.0 | 05/10/2021 |
| CTCB2102 | 2,300 | 4,960 | -2.2% | 116% | 27,030 | 71 | 40,500 | 2,336 | (2,624) | VND | TCB | 36,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CTCB2103 | 2,900 | 5,570 | -1.4% | 92% | 26,960 | 105 | 40,500 | 2,659 | (2,911) | HCM | TCB | 35,500 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CTCH2001 | 1,400 | 940 | -18.3% | -33% | 80,180 | 18 | 22,300 | 6 | (934) | KIS | TCH | 22,888 | 3.9 | 14/05/2021 |
| CTCH2003 | 1,600 | 2,140 | -1.8% | 34% | 20,190 | 112 | 22,300 | 147 | (1,993) | KIS | TCH | 23,999 | 3.9 | 16/08/2021 |
| CTCH2101 | 1,000 | 2,490 | -2.4% | 149% | 6,460 | 149 | 22,300 | 193 | (2,297) | KIS | TCH | 24,666 | 3.9 | 22/09/2021 |
| CVHM2008 | 1,400 | 3,500 | -7.9% | 150% | 41,330 | 46 | 105,000 | 1,635 | (1,865) | KIS | VHM | 88,888 | 10.0 | 11/06/2021 |
| CVHM2010 | 1,300 | 2,410 | -16.9% | 85% | 94,430 | 8 | 105,000 | 2,854 | 444 | HCM | VHM | 76,500 | 10.0 | 04/05/2021 |
| CVHM2101 | 1,100 | 3,000 | -6.3% | 173% | 23,440 | 149 | 105,000 | 300 | (2,700) | KIS | VHM | 106,888 | 16.0 | 22/09/2021 |
| CVHM2102 | 2,300 | 3,810 | -9.3% | 66% | 42,330 | 71 | 105,000 | 1,836 | (1,974) | VND | VHM | 87,000 | 10.0 | 06/07/2021 |
| CVHM2103 | 1,650 | 3,590 | -10.3% | 118% | 27,850 | 39 | 105,000 | 1,221 | (2,369) | MBS | VHM | 93,000 | 10.0 | 04/06/2021 |
| CVHM2104 | 1,600 | 3,600 | -5.3% | 125% | 46,250 | 105 | 105,000 | 858 | (2,742) | HCM | VHM | 98,000 | 10.0 | 09/08/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|-------|--------|--------|------|--------|-----|---------|--------|---------|-----|-----|---------|------|------------|
| CVIC2005 | 1,500 | 3,790 | -4.8% | 153% | 36,240 | 46 | 138,300 | 3,172 | (618) | KIS | VIC | 106,868 | 10.0 | 11/06/2021 |
| CVIC2101 | 1,000 | 2,960 | -1.0% | 196% | 12,540 | 149 | 138,300 | 709 | (2,251) | KIS | VIC | 126,888 | 20.0 | 22/09/2021 |
| CVIC2102 | 1,800 | 4,300 | -6.1% | 139% | 14,500 | 39 | 138,300 | 3,853 | (447) | MBS | VIC | 100,000 | 10.0 | 04/06/2021 |
| CVJC2006 | 1,000 | 1,450 | -11.6% | 45% | 23,860 | 46 | 129,500 | 934 | (516) | KIS | VJC | 111,111 | 20.0 | 11/06/2021 |
| CVNM2011 | 1,100 | 1,420 | -6.0% | 29% | 37,250 | 46 | 99,500 | (0) | (1,420) | KIS | VNM | 133,333 | 16.3 | 11/06/2021 |
| CVNM2101 | 1,100 | 2,700 | -0.4% | 145% | 22,420 | 149 | 99,500 | 3 | (2,697) | KIS | VNM | 126,888 | 19.8 | 22/09/2021 |
| CVNM2102 | 1,700 | 2,550 | -17.7% | 50% | 76,980 | 71 | 99,500 | 9 | (2,541) | VND | VNM | 108,994 | 9.9 | 06/07/2021 |
| CVNM2103 | 1,700 | 3,000 | -9.1% | 76% | 48,500 | 53 | 99,500 | 27 | (2,973) | MBS | VNM | 104,000 | 10.0 | 18/06/2021 |
| CVPB2011 | 1,900 | 14,100 | 9.6% | 642% | 100 | 8 | 51,000 | 13,506 | (594) | HCM | VPB | 24,000 | 2.0 | 04/05/2021 |
| CVPB2015 | 5,600 | 27,240 | 6.3% | 386% | 16,080 | 95 | 51,000 | 25,145 | (2,095) | SSI | VPB | 26,000 | 1.0 | 30/07/2021 |
| CVPB2016 | 4,800 | 24,850 | 7.0% | 418% | 1,660 | 8 | 51,000 | 24,013 | (837) | SSI | VPB | 27,000 | 1.0 | 04/05/2021 |
| CVPB2101 | 2,900 | 8,520 | 9.2% | 194% | 20,690 | 71 | 51,000 | 7,077 | (1,443) | VND | VPB | 37,000 | 2.0 | 06/07/2021 |
| CVPB2102 | 2,800 | 9,000 | 11.4% | 221% | 9,630 | 39 | 51,000 | 7,791 | (1,209) | MBS | VPB | 35,500 | 2.0 | 04/06/2021 |
| CVPB2103 | 2,700 | 8,860 | 8.9% | 228% | 16,770 | 105 | 51,000 | 7,363 | (1,497) | HCM | VPB | 36,500 | 2.0 | 09/08/2021 |
| CVRE2009 | 1,400 | 1,170 | -10.0% | -16% | 42,530 | 31 | 32,800 | 373 | (797) | KIS | VRE | 30,999 | 5.0 | 27/05/2021 |
| CVRE2011 | 1,500 | 1,540 | -8.3% | 3% | 33,280 | 46 | 32,800 | 299 | (1,241) | KIS | VRE | 31,888 | 4.0 | 11/06/2021 |
| CVRE2013 | 5,000 | 8,400 | -3.5% | 68% | 27,850 | 95 | 32,800 | 5,475 | (2,925) | SSI | VRE | 27,500 | 1.0 | 30/07/2021 |
| CVRE2014 | 4,600 | 4,220 | -29.3% | -8% | 50,350 | 8 | 32,800 | 5,313 | 1,093 | SSI | VRE | 27,500 | 1.0 | 04/05/2021 |
| CVRE2101 | 1,200 | 2,500 | -6.4% | 108% | 24,320 | 149 | 32,800 | 314 | (2,186) | KIS | VRE | 34,567 | 4.0 | 22/09/2021 |
| CVRE2102 | 1,800 | 2,270 | -9.2% | 26% | 54,480 | 71 | 32,800 | 751 | (1,519) | VND | VRE | 30,000 | 4.0 | 06/07/2021 |
| CVRE2103 | 1,300 | 2,440 | -7.6% | 88% | 47,010 | 105 | 32,800 | 461 | (1,979) | HCM | VRE | 32,000 | 4.0 | 09/08/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2021E (tỷ) | EPS 2021E | BV 2021E | ROE 2021E | ROA 2021E | PE 2021E | PB 2021E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| FPT (New) | HOSE | 81,000 | 91,800 | 14/04/2021 | 5,036 | 4,730 | 26,109 | 25% | 10.8% | 19.4 | 3.5 | 20% |
| DGW (New) | HOSE | 110,900 | 103,700 | 13/04/2021 | 425 | 9,881 | 35,452 | 28% | 11.1% | 10.5 | 2.8 | 20% |
| VHC (New) | HOSE | 36,200 | 48,900 | 12/04/2021 | 951 | 5,188 | 31,003 | 12% | 16.7% | 9.4 | 1.6 | - |
| ACV (New) | UPCOM | 72,600 | 85,600 | 09/04/2021 | 3,027 | 1,390 | 17,759 | 8% | 4.7% | 60.6 | 4.7 | 6% |
| MSN (New) | HOSE | 95,000 | 110,800 | 08/04/2021 | 2,209 | 1,890 | 16,195 | 13% | 2.0% | 58.7 | 6.9 | - |
| ANV | HOSE | 21,900 | 26,000 | 05/04/2021 | 281 | 2,202 | 18,506 | 12% | 5.9% | 11.8 | 1.4 | - |
| REE | HOSE | 51,300 | 62,100 | 02/04/2021 | 1,937 | 5,984 | 45,456 | 14% | 9.0% | 10.4 | 1.4 | 0% |
| VNM | HOSE | 96,000 | 128,000 | 01/04/2021 | 10,488 | 4,972 | 16,501 | 30% | 19.8% | 25.8 | 7.8 | 45% |
| PLX | HOSE | 49,950 | 64,800 | 31/03/2021 | 4,563 | 3,668 | 17,545 | 18% | 6.8% | 17.7 | 3.7 | 30% |
| SBT | HOSE | 20,550 | 30,000 | 25/03/2021 | 744 | 1,165 | 13,578 | 9% | 3.7% | 25.8 | 2.2 | 5% |
| MPC | UPCOM | 34,600 | 44,700 | 25/03/2021 | 762 | 3,811 | 27,801 | 14% | 8.2% | 11.7 | 1.6 | - |
| FMC | HOSE | 30,900 | 43,900 | 18/03/2021 | 236 | 4,014 | 21,355 | 17% | 11.5% | 10.0 | 1.9 | - |
| GVR | HOSE | 23,700 | 40,200 | 17/03/2021 | 4,906 | 1,042 | 13,121 | 9% | 6.0% | 38.6 | 3.1 | 3% |
| VRE | HOSE | 31,150 | 43,400 | 12/03/2021 | 3,135 | 1,423 | 12,382 | 10% | 7.1% | 29.2 | 3.3 | - |
| TCM | HOSE | 113,000 | 66,000 | 11/03/2021 | 287 | 4,630 | 28,532 | 16% | 9.4% | 12.5 | 2.0 | - |
| MWG | HOSE | 142,500 | 140,600 | 08/03/2021 | 4,546 | 10,036 | 41,716 | 24% | 8.8% | 14.0 | 3.4 | 15% |
| GAS | HOSE | 81,500 | 102,000 | 05/03/2021 | 10,892 | 5,691 | 27,913 | 20% | 14.8% | 18.0 | 3.7 | 35% |
| MSH | HOSE | 50,200 | 56,300 | 03/03/2021 | 336 | 6,721 | 30,835 | 22% | 11.9% | 8.4 | 1.8 | - |
| GMD | HOSE | 33,000 | 54,800 | 24/02/2021 | 541 | 1,794 | 22,180 | 8% | 5.0% | 12.8 | 1.0 | 10% |
| NLG | HOSE | 35,000 | 39,000 | 24/02/2021 | 966 | 3,763 | 26,600 | 14% | 7.0% | 10.4 | 1.5 | 5% |
| TNG | HOSE | 21,300 | 23,800 | 19/02/2021 | 198 | 2,671 | 16,167 | 17% | 5.2% | 8.9 | 1.5 | - |
| GIL | HOSE | 70,500 | 54,800 | 05/02/2021 | 317 | 8,813 | 43,186 | 20% | 9.8% | 6.2 | 1.3 | - |
| GTN | HOSE | 19,100 | 36,290 | 29/01/2021 | 303 | 621 | 16,074 | 7% | 7.6% | 58.4 | 2.3 | 0% |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | |
|---------------------|-------|---------|---------|------------|--------|--------|---------|-----|-------|------|-----|-----|
| IMP | HOSE | 71,300 | 59,400 | 21/01/2021 | 210 | 3,144 | 27,758 | 12% | 10.0% | 18.9 | 2.3 | 20% |
| FRT | HOSE | 26,800 | 37,700 | 20/01/2021 | 28 | 350 | 15,466 | 2% | 0.6% | 62.0 | 1.4 | 10% |
| VCB | HOSE | 98,600 | 113,000 | 19/01/2021 | 18,436 | 4,971 | 31,498 | 17% | 1.4% | 22.7 | 3.6 | 0% |
| ACB | HOSE | 33,300 | 32,300 | 19/01/2021 | 8,912 | 4,123 | 20,313 | 23% | 1.9% | 7.8 | 3.6 | 0% |
| TCB | HOSE | 39,450 | 26,700 | 19/01/2021 | 15,022 | 4,292 | 25,693 | 18% | 3.5% | 6.5 | 1.1 | 0% |
| VHM | HOSE | 99,600 | 102,000 | 19/01/2021 | 35,222 | 10,530 | 42,470 | 37% | 11.8% | 9.8 | 2.4 | - |
| KDH | HOSE | 34,500 | 29,400 | 19/01/2021 | 1,763 | 3,182 | 17,973 | 19% | 8.3% | 8.5 | 1.5 | - |
| SAB | HOSE | 170,000 | 182,900 | 19/01/2021 | 4,985 | 7,369 | 36,116 | 21% | 17.3% | 26.6 | 5.1 | 35% |
| LHG | HOSE | 36,900 | 30,400 | 19/01/2021 | 180 | 3,601 | 26,394 | 11% | 5.6% | 8.1 | 1.0 | - |
| PHR | HOSE | 51,900 | 67,650 | 19/01/2021 | 1,105 | 8,158 | 20,173 | 32% | 15.7% | 6.6 | 2.1 | 30% |
| PVS | HNX | 19,400 | 16,100 | 19/01/2021 | 928 | 1,843 | 27,820 | 7% | 3.4% | 8.7 | 0.6 | 5% |
| PLX | HOSE | 49,950 | 56,200 | 19/01/2021 | 3,917 | 2,905 | 21,808 | 17% | 6.8% | 19.3 | 2.6 | 30% |
| CTR | UPCOM | 83,800 | 78,800 | 19/01/2021 | 223 | 3,172 | 14,460 | 23% | 6.4% | 21.1 | 4.6 | 10% |
| POW | HOSE | 12,100 | 14,700 | 19/01/2021 | 2,837 | 1,055 | 14,071 | 9% | 5.2% | 13.9 | 1.0 | 3% |
| GEG | HOSE | 17,400 | 19,000 | 19/01/2021 | 383 | 1,184 | 13,017 | 14% | 5.3% | 16.1 | 1.5 | - |
| BMP | HOSE | 58,800 | 65,900 | 19/01/2021 | 542 | 6,622 | 32,553 | 20% | 17.5% | 10.0 | 2.0 | 40% |
| CTD | HOSE | 64,100 | 66,000 | 19/01/2021 | 702 | 8,852 | 115,000 | 8% | 4.9% | 7.5 | 0.6 | 30% |
| VHC | HOSE | 36,200 | 50,600 | 14/01/2021 | 892 | 5,134 | 26,696 | 18% | 13.2% | 9.9 | 1.9 | - |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.
 ** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.